|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lỗi vi phạm** | **Quy định tại điểm, khoản, Điều** | **Mức phạt chính và bổ sung** |
| **Lỗi liên quan đến làn đường, chuyển hướng, lùi, quay đầu xe** | | | |
| 1 | Chuyển làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không có tín hiệu báo trước, trừ các hành vi vi phạm quy định bên dưới | điểm a, khoản 2, Điều 5 | 300.000 - 400.000đ |
| 2 | Điều khiển xe không đi bên phải theo chiều đi của mình; đi không đúng phần đường hoặc làn đường quy định | điểm c, khoản 4, Điều 5 | 800.000 - 1.200.000 đồng |
| 3 | Chuyển hướng không nhường đường cho xe đi ngược chiều, người đi bộ | điểm c, khoản 1, Điều 5 | 100.000 - 200.000đ |
| 4 | Chuyển hướng không giảm tốc độ hoặc không có tín hiệu báo hướng rẽ | điểm c, khoản 3, Điều 5 | 600.000 - 800.000đ |
| 5 | Đi vào đường cấm, khu vực cấm; đi ngược chiều của đường một chiều, đường có biển “Cấm đi ngược chiều” | điểm b, khoản 4, Điều 5 | 800.000 - 1.200.000 đồng |
| 6 | Lùi xe ở đường một chiều, ở khu vực cấm dừng, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường, nơi đường bộ giao nhau, nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, nơi tầm nhìn bị che khuất; lùi xe không quan sát hoặc không có tín hiệu báo trước | điểm l, khoản 2, Điều 5 | 300.000 - 400.000đ |
| 7 | Quay đầu xe tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; dừng xe, đỗ xe trong phạm vi an toàn của đường sắt | điểm d, khoản 3, Điều 5 | 600.000 - 800.000đ |
| 8 | Không tuân thủ các quy định khi vào hoặc ra đường cao tốc; điều khiển xe chạy ở làn dừng xe khẩn cấp hoặc phần lề đường của đường cao tốc; quay đầu xe, lui xe trên đường cao tốc; chuyển làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không có tín hiệu báo trước khi chạy trên đường cao tốc | điểm i, khoản 4, Điều 5 | 800.000 - 1.200.000 đồng |
| **Lỗi liên quan đến vượt xe, nhường đường** | | | |
| 1 | Không tuân thủ các quy định về nhường đường tại nơi đường bộ giao nhau, trừ các hành vi vi phạm quy định tại Điểm d, Điểm đ Khoản 2 Điều này; | điểm h, khoản 1, Điều 5 | 100.000 - 200.000đ |
| 2 | Không giảm tốc độ và nhường đường khi điều khiển xe chạy từ trong ngõ, đường nhánh ra đường chính | điểm d, khoản 2, Điều 5 | 300.000 - 400.000đ |
| 3 | Không nhường đường cho xe xin vượt khi có đủ điều kiện an toàn; không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau | điểm đ, khoản 2, Điều 5 | 300.000 - 400.000đ |
| 4 | Không nhường đường hoặc gây cản trở xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ | điểm g, khoản 4, Điều 5 | 800.000 - 1.200.000 đồng |
| 5 | Vượt trong các trường hợp cấm vượt; không có báo hiệu trước khi vượt; vượt bên phải xe khác trong trường hợp không được phép | điểm c, khoản 5, Điều 5 | 2 - 3 triệu đồng |
| 6 | Tránh, vượt không đúng quy định gây tai nạn giao thông | điểm c, khoản 7, Điều 5 | 7 - 8 triệu đồng |
| **Lỗi liên quan dừng, đỗ xe** | | | |
| 1 | Đỗ xe chiếm một phần đường xe chạy không đặt ngay báo hiệu nguy hiểm theo quy định | điểm đ, khoản 1, Điều 5 | 100.000 - 200.000đ |
| 2 | Dừng xe, đỗ xe không có tín hiệu báo cho người điều khiển phương tiện khác biết. | điểm d, khoản 1, Điều 5 | 100.000 - 200.000đ |
| 3 | Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường rộng; dừng xe, đỗ xe không sát mép đường phía bên phải theo chiều đi ở nơi đường có lề đường hẹp hoặc không có lề đường; đỗ xe trên dốc không chèn bánh; mở cửa xe, để cửa xe mở không bảo đảm an toàn | điểm g, khoản 2, Điều 5 | 300.000 - 400.000đ |
| 4 | Dừng xe không sát theo lề đường, hè phố phía bên phải theo chiều đi hoặc bánh xe gần nhất cách lề đường, hè phố quá 0,25 m; nơi có biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”; rời vị trí lái, tắt máy khi dừng xe; dừng xe, đỗ xe không đúng vị trí quy định ở những đoạn có bố trí nơi dừng xe, đỗ xe; dừng xe, đỗ xe trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường | điểm h, khoản 2, Điều 5 | 300.000 - 400.000đ |
| 5 | Dừng xe, đỗ xe tại vị trí: Bên trái đường một chiều; trên đoạn đường cong hoặc gần đầu dốc nơi tầm nhìn bị che khuất; trên cầu, gầm cầu vượt, song song với một xe khác đang dừng, đỗ; nơi đường bộ giao nhau hoặc trong phạm vi 05 m tính từ mép đường giao nhau; điểm dừng đón, trả khách của xe buýt; trước cổng hoặc trong phạm vi 05 m hai bên cổng trụ sở cơ quan, tổ chức có bố trí đường cho xe ô tô ra vào; nơi phần đường có bề rộng chỉ đủ cho một làn xe; che khuất biển báo hiệu đường bộ | điểm đ, khoản 3, Điều 5 | 600.000 - 800.000đ |
| 6 | Đỗ xe không sát theo lề đường, hè phố phía bên phải theo chiều đi hoặc bánh xe gần nhất cách lề đường, hè phố quá 0,25 m; đỗ xe nơi có biển “Cấm đỗ xe” hoặc biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”; đỗ, để xe ở hè phố trái quy định của pháp luật | điểm e, khoản 3, Điều 5 | 600.000 - 800.000đ |
| 7 | Dừng xe, đỗ xe, quay đầu xe trái quy định gây ùn tắc giao thông | điểm đ, khoản 4, Điều 5 | 800.000 - 1.200.000 đồng |
| 8 | Không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc | điểm i, khoản 4, Điều 5 | 800.000 - 1.200.000 đồng |
| **Lỗi liên quan đến tốc độ** | | | |
| 1 | Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/h đến dưới 10 km/h | điểm a, khoản 3, Điều 5 | 600.000 - 800.000đ |
| 2 | Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h | điểm a, khoản 5, Điều 5 | 2 - 3 triệu đồng |
| 3 | Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h đến 35 km/h | điểm a, khoản 6, Điều 5 | 4 - 6 triệu đồng |
| 4 | Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 35 km/h; điều khiển xe đi ngược chiều trên đường cao tốc | điểm a, khoản 7, Điều 5 | 7 - 8 triệu đồng |
| 5 | Điều khiển xe lạng lách, đánh võng; chạy quá tốc độ đuổi nhau trên đường bộ | điểm d, khoản 7, Điều 5 | 7 - 8 triệu đồng |
| **Lỗi liên quan đến đèn tín hiệu giao thông** | | | |
| 1 | Không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường | điểm a, khoản 1, Điều 5 | 100.000 - 200.000đ |
| 2 | Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông (trừ trường hợp quy định bên dưới) | điểm l, khoản 3, Điều 5 | 600.000 - 800.000đ  *(giữ GPLX 2 tháng nếu gây TNGT)* |
| 3 | Khi tín hiệu đèn giao thông đã chuyển sang màu đỏ nhưng không dừng lại trước vạch dừng mà vẫn tiếp tục đi | điểm k, khoản 4, Điều 5 | 800.000-1,2 triệu đồng  *(giữ GPLX 2 tháng nếu gây TNGT)* |
| 4 | Không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người điều khiển giao thông, người kiểm soát giao thông | điểm e, khoản 4, Điều 5 | 800.000 - 1.200.000 đồng |
| **Lỗi liên quan đến sử dụng còi, đèn** | | | |
| 1 | Không sử dụng đủ đèn chiếu sáng khi trời tối hoặc khi sương mù, thời tiết xấu hạn chế tầm nhìn; sử dụng đèn chiếu xa khi tránh xe đi ngược chiều | điểm g, khoản 3, Điều 5 | 600.000 - 800.000đ |
| 2 | Bấm còi hơi, sử dụng đèn chiếu xa trong đô thị, khu đông dân cư | điểm b, khoản 3, Điều 5 | 600.000 - 800.000đ |
| 3 | Xe không được quyền ưu tiên sử dụng tín hiệu còi, cờ, đèn của xe ưu tiên | điểm h, khoản 3, Điều 5 | 600.000 - 800.000đ |
| 4 | Chạy trong hầm đường bộ không sử dụng đèn chiếu sáng gần; lùi xe, quay đầu xe trong hầm đường bộ; dừng xe, đỗ xe, vượt xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định | điểm a, khoản 4, Điều 5 | 800.000 - 1.200.000 đồng |
| **Lỗi liên quan đến điều khiển xe gây tai nạn giao thông** | | | |
| 1 | Điều khiển xe có liên quan trực tiếp đến vụ tai nạn giao thông mà không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, không tham gia cấp cứu người bị nạn, (trừ hành vi nêu bên dưới) | điểm m, khoản 2, Điều 5 | 300.000 - 400.000đ |
| 2 | Gây TNGT không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn | điểm b, khoản 6, Điều 5 | 4 - 6 triệu đồng |
| 3 | Không chú ý quan sát, điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây TNGT; tránh, vượt không đúng quy định gây TNGT hoặc không giữ khoảng cách an toàn giữa hai xe theo quy định gây TNGT | điểm c, khoản 7, Điều 5 | 7 - 8 triệu đồng |
| 4 | Không chú ý quan sát, điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây TNGT | điểm c, khoản 7, Điều 5 | 7 - 8 triệu đồng |
| 5 | Điều khiển xe lạng lách, đánh võng; chạy quá tốc độ đuổi nhau trên đường bộ gây TNGT hoặc không chấp hành hiệu lệnh dừng xe của người thi hành công vụ | khoản 9, Điều 5 | 15 - 20 triệu đồng |
| **Lỗi liên quan đến đến sử dụng chất kích thích** | | | |
| 1 | Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa tới mức vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 7, Điểm a Khoản 8 Điều5 | điểm b, khoản 5, Điều 5 | 2 - 3 triệu đồng |
| 2 | Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở | điểm b, khoản 7, Điều 5 | 7 - 8 triệu đồng |
| 3 | Tránh xe đi ngược chiều không đúng quy định; không nhường đường cho xe đi ngược chiều theo quy định tại nơi đường hẹp, đường dốc, nơi có chướng ngại vật. | điểm d, khoản 5, Điều 5 | 2 - 3 triệu đồng |
| 4 | Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở | điểm a, khoản 8, Điều 5 | 10 - 15 triệu đồng |
|  | Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy, nồng độ cồn của người kiểm soát giao thông hoặc người thi hành công vụ. | điểm b, khoản 8, Điều 5 | 10 - 15 triệu đồng |
| 5 | Điều khiển xe mà trong cơ thể có chất ma túy | khoản 10, Điều 5 | Giữ GPLX 24 tháng (Nếu có GPLX) hoặc phạt tiền từ 8- 10 triệu đồng (Nếu có GPLX hoặc có nhưng đang bị giữ) |
| **Một số lỗi khác** | | | |
| 1 | Không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn theo quy định khi xe ô tô bị hư hỏng ngay tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt | điểm h, khoản 4, Điều 5 | 800.000 - 1.200.000 đồng |
| 2 | Người điều khiển, người ngồi hàng ghế trước có trang bị dây an toàn mà không thắt dây khi xe đang chạy | điểm k, khoản 1, Điều 5 | 100.000 - 200.000đ |
| 3 | Chở người ngồi hàng ghế trước có trang bị dây an toàn mà không thắt dây khi xe đang chạy | điểm l, khoản 1, Điều 5 | 100.000 - 200.000đ |
| 4 | Để người ngồi trên buồng lái quá số lượng quy định | điểm c, khoản 2, Điều 5 | 300.000 - 400.000đ |